

Bản án số: 208/2021/HNGĐ
Ngày 03.11.2021
Về việc tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂY HỒ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Cần

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Ngọc Cư

Bà Nguyễn Thị Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân quận T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 296/2021/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐ - ST ngày 15/6/2021 và quyết định hoãn phiên tòa ngày 05/7/2021, 29/7/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thúy H, sinh năm 1961

HKTT: Số 92 Yên Ninh, phường Q, quận B, Thành phố H.

(Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Ph sinh năm 1956

HKTT: Số 92 Yên Ninh, phường Q, quận B, Thành phố H.

Cư trú: Số 2 ngách 68/76 An Dương, phường y, quận T, Thành phố H.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện nộp ngày 10/7/2020 và các lời khai khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là bà Bùi Thúy Htrình bày:*

Bà và ông Nguyễn Văn P kết hôn năm 1979, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND khu Ba Đình, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng mâu thuẫn từ ngay sau khi cưới. Nguyên nhân là do ông Pthường xuyên bạo lực đánh đập, hành hạ bà vì ông Pghen tuông vô cớ, đã nhiều lần ông P xin lỗi bà nhưng sau đó vẫn tính nào tăt đấy. Đến năm 1981, bà Hđã làm đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân quận Ba Đình. Hai bên gia đình có biết đã nhiều lần khuyên giải nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016. Năm 2017, bà đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân quận Ba Đình nhưng ông Pkhông đồng ý và đe dọa, bà đã 2 lần tự tử và phải đi cấp cứu tại bệnh viện

Bạch Mai. Khoảng năm 2018, ông P đã có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, thậm trí còn đưa về ăn ở tại căn nhà của vợ chồng tại số 2, ngách 68/76 An Dương, phường Yên Phụ, quận T, thành phố Hà Nội. Vợ chồng đã bán căn nhà này từ năm 2020, ông P vẫn ở nhờ trên căn nhà đó, còn bà dọn đi nơi khác nhưng không đăng ký tạm trú nên vẫn lấy địa chỉ cũ để khai báo với Tòa. Đến khoảng tháng 4/2021, ông P đã trả nhà cho người chủ cũ, chuyển đi đâu sinh sống không để lại địa chỉ mới. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án cho ly hôn với ông P để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Bà , ông P có 03 con chung là:

1. Nguyễn Trà M, sinh năm 1979
2. Nguyễn Phi Điệp, sinh năm 1981 (đã chết)
3. Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1988

Hiện các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, nhà đất và công nợ chung: Hai bên đã tự giải quyết xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn là ông Nguyễn Văn P từ chối nhận giấy triệu tập, không đến Tòa án nên không có lời khai.*

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như trên, không có yêu cầu gì khác.

Đại diện VKS tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và nội dung giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ lý và trình tự đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 56 Luật HNGĐ xử chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Bùi Thúy H ông Nguyễn Văn P.

- Về con chung: Bà H, ông P có 03 con chung là:

1. Nguyễn Trà M, sinh năm 1979
2. Nguyễn Phi Đ, sinh năm 1981 (đã chết)
3. Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1988

Hiện các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, nhà đất và công nợ chung: Hai bên đã tự giải quyết xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn P đăng ký HKTT tại 92 phố Yên Ninh, phường Quán Thánh, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội. Tại thời điểm bà H nộp

đơn xin ly hôn, ông P cư trú tại: Số 2, ngách 68/76 An Dương, phường Yên Phụ, quận T, Thành phố Hà Nội. Quá trình giải quyết vụ án, ông P đã chuyển nhà đi nơi khác, không rõ địa chỉ mới, đây là địa chỉ cư trú cuối cùng của ông P. Do đó, căn cứ điểm a, khoản 1, khoản 3 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận T thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo chấp hành nghĩa vụ tố tụng, thông báo về việc mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông P từ chối không nhận, không đến Tòa án trình bày quan điểm là tự ý từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Ông P vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt ông P là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Bà H, ông P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND khu Ba Đình, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội ngày 17/12/1979, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời khai của bà H: Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống, vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã ly thân từ năm 2016, mỗi người đã ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông P.

Tại biên bản xác minh của Tòa án cũng như lời khai của đương sự đều xác nhận hiện bà H, ông P mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau, ông P đã chuyển đi nơi khác sinh sống không thông báo với bà H. Do đó, vợ chồng không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn mặn nồng. Theo quy luật và sự phát triển bình thường thì những gia đình có cuộc sống hạnh phúc đầm ấm là vợ chồng phải biết quan tâm, thương yêu quý trọng, chăm sóc giúp đỡ, cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng tiến bộ hạnh phúc và bền vững. Nhưng tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H, ông P đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông P là phù hợp với pháp luật và thực tế.

- Về con chung: Bà H, ông P có 03 con chung là:

1. Nguyễn Trà M, sinh năm 1979
2. Nguyễn Phi Đ, sinh năm 1981 (đã chết)
3. Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1988

Hiện các con chung đã trưởng thành nên không xét.

- Về tài sản, nhà đất, công nợ: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông P không đến Tòa án, không có ý kiến trình bày, nên HĐXX không xem xét.

- Về án phí: Bà H phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Điều 147; 227, 238, 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: 1.Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thúy H đối với ông Nguyễn Văn P. Bà H được ly hôn với ông P.

2.Về con chung: Bà H, ông P có 03 con chung là:

Nguyễn Trà M, sinh năm 1979; Nguyễn Phi Đ, sinh năm 1981(đã chết); Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1988. Hiện các con chung đã trưởng thành nên không xem xét.

3.Về tài sản, nhà đất và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4.Về án phí: Bà Bùi Thị H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai số 0004249 ngày 24/11/2020.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai/.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND quận T
- Chi cục THADS q.T
- Đương sự

Đào Đức Cần